TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2026/HS-ST
Ngày: 29-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Tảo.

Ông Phạm Trung Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Phạm Tuấn Đ; sinh ngày 04 tháng 10 năm 1982; sinh tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn P, xã M, tỉnh Ninh Bình cũ, nay là thôn C, xã M, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ánh Đ1, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1956; có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú và biện pháp Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 16 tháng 3 năm 2026 cho đến nay.

(Có mặt).

- Bị hại: Anh Trương Trung K, sinh năm 1971 (Đã chết).

Địa chỉ cư trú của anh K trước khi chết: Số A M, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của anh Trương Trung K là:

+ Anh Trương Đức T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: A KP6, phường T, thành phố Hồ Chí Minh - Anh T1 là anh trai anh K.

(Vắng mặt).

+ Anh Trương Thành Q, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số A H, phường N, tỉnh Ninh Bình - Anh Q là anh trai anh K.

(Vắng mặt).

+ Chị Trương Thị Kim X, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A M, phường N, tỉnh Ninh Bình - Chị X là chị gái anh K.

(Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Đức T và anh Trương Thành Q là: Chị Trương Thị Kim X (Theo giấy ủy quyền lập ngày 23 tháng 01 năm 2026).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở: Thôn B, xã H, tỉnh Ninh Bình cũ, nay là thôn T, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S là: Ông Phạm Xuân H2, sinh năm 1977; chức vụ: Giám đốc.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Tuấn Đ có giấy phép lái xe hạng D2, bị cáo Đ là nhân viên lái xe ô tô chở khách cho Công ty TNHH S, có trụ sở tại thôn B, xã H, tỉnh Ninh Bình cũ, nay là thôn T, xã H, tỉnh Ninh Bình. Theo sự phân công của Công ty TNHH S, khoảng 12 giờ ngày 16-01-2026, bị cáo đã một mình điều khiển xe ô tô khách 16 chỗ, nhãn hiệu FORD, BKS 18H-054.10 trong tình trạng cơ thể không có nồng độ cồn và chất kích thích trong máu, đi từ trụ sở Công ty TNHH S theo đường Quốc lộ 37B, sau đó rẽ vào đường liên thôn để đến thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình đón khách. Khoảng 12 giờ 08 phút cùng ngày thì bị cáo đã điều khiển xe ô tô nêu trên đi đến khu vực ngã tư đường liên thôn thuộc thôn C, xã V, tỉnh Ninh Bình. Đoạn đường này là nơi giao nhau vuông góc giữa đoạn đường liên thôn hướng từ đường Q đi thôn M, xã V với đoạn đường liên thôn hướng từ thôn T, xã V đi thôn P, xã V. Đoạn đường hướng từ đường Q đi thôn M, xã V thẳng, mặt đường trải nhựa áp phan bằng phẳng, rộng 4,75m, mặt đường không có vạch sơn phân chia chiều đường xe chạy; lề đường bên phải và bên trái đều rộng 0,6m; ngoài lề phải là cánh đồng thôn C, xã V; ngoài lề trái là nhà dân và cánh đồng. Đoạn đường hướng từ thôn T, xã V đi thôn P, xã V thẳng, mặt đường trải nhựa áp phan bằng phẳng, rộng 3,8m, mặt đường không có vạch sơn phân chia chiều đường xe chạy. Trước khi vào ngã tư, trên các hướng đường đều có gờ giảm tốc và ở ngoài lề phải đoạn đường hướng từ đường Q đi thôn M, xã V có cắm biển cảnh báo nguy hiểm "Giao nhau với đường cùng cấp". Các đoạn đường tại khu vực ngã tư đều thẳng, tầm nhìn thoáng, không bị hạn chế, mật độ người và phương tiện tham gia giao thông vắng. Trước khi vào ngã tư, bị cáo điều khiển xe ô tô di chuyển với tốc độ là 56 km/h. Khi đến nơi giao nhau, mặc dù trước đó đã có cắm biển báo nguy hiểm "Giao nhau với đường cùng cấp" và mặt đường có gờ giảm tốc độ nhưng bị cáo lại không giảm tốc độ xe ô tô mình điều khiển và không chú ý quan sát các phương tiện khác qua ngã tư nên bị cáo đã không phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu HODA ALR BLADE, BKS 18B1-358.01 do anh Trương Trung K, sinh năm 1971, trú tại số nhà A đường M, phường N, tỉnh Ninh Bình điều khiển đang di chuyển đi theo hướng từ thôn T, xã V vào ngã tư để đi thôn P, xã V nên đến khi cả 02 phương tiện đi vào trong ngã tư thì phần đầu bên phụ của xe ô tô do bị cáo điều khiển đã va chạm vào phần để chân bên phải của người điều khiển và mặt ngoài khung kim loại bảo vệ yên bên phải của xe mô tô do anh K điều khiển và sau va chạm thì xe ô tô tiếp tục đẩy xe mô tô về phía trước 67m mới dừng lại. Xe mô tô bị đổ nghiêng sang bên trái và nằm dưới bánh trước bên phụ xe ô tô. Anh K thì bị ngã, văng xuống cánh đồng phía ngoài lề phải đoạn đường hướng từ đường Q đi thôn M, xã V. Hậu quả làm cho anh K bị thương, anh K được đưa đến Bệnh viện Đ2, tỉnh Ninh Bình cấp cứu nhưng anh K đã bị tử vong trong cùng ngày; xe ô tô BKS 18H-054.10 và xe mô tô BKS 18B1-358.01 đều bị hư hỏng.

Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã phối hợp cùng với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám nghiệm phương tiện, thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông nêu trên theo hướng từ đường Q đi thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình đã ghi nhận những dấu vết như sau:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là khu vực ngã tư thuộc thôn C, xã V, tỉnh Ninh Bình. Lấy chân cột điện ký hiệu LT 12.1800 ở ngoài lề trái hướng từ đường Q đi thôn M, xã V làm điểm mốc. Từ điểm mốc đến đầu dải vết cày là 08m; lấy mép đường bên phải hướng từ đường Q đi thôn M, xã V làm mép đường chuẩn đã ghi nhận những dấu vết như sau:

- Dải vết cày KT (67x0,5)m liền, liên tục làm xước nhựa mặt đường có chiều hướng từ đường lộ Quốc lộ C đi thôn M. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 2,5m, cuối vết cày cách lề là 0,1m, trùng với thanh kim loại bảo vệ đuôi xe mô tô BKS 18B1-358.01. Đầu vết cày cách gờ giảm tốc gần nhất hướng đường Quốc lộ 37B đi thôn M là 14,1m. Đầu vết cày cách gờ giảm tốc gần nhất hướng thôn T đi thôn P

trước khi vào ngã tư là 11,65m. Đều vết cày cách biển cảnh báo nguy hiểm "Đường giao nhau đồng cấp" cắm ở ngoài lề phải hướng đướng Quốc lộ C đi thôn M là 37,8m. Đầu dải vết cày cách tâm đám nhựa vỡ là 25,8m.

- Đám mảnh nhựa vỡ gồm nhiều mảnh có kích thước, hình dạng khác nhau nằm rải rác ngoài lề phải hướng đường Q đi thôn M. Đám có KT (16x2,4)m. T2 đám nhựa cách mép đường chuẩn là 1,1m; cách yên xe mô tô BKS 18B1-358.01 là 6,8m.

- Yên xe mô tô BKS 18B1-358.01 nằm dưới ruộng ngoài lề bên phải hướng đường Quốc lộ 37B đi thôn M. Yên xe mô tô cách mép đường chuẩn là 5,1m. Yên xe mô tô cách tâm bánh sau bên lái xe ô tô BKS 18M-054.10 là 37,3m.

- Xe ô tô BKS: 18M-054.10 đang đỗ trên đường. Đầu xe quay hướng thôn M, đuôi xe quay hướng QL37B. T2 bánh trước bên phụ và tâm bánh sau bên phụ trùng với mép đường chuẩn. T2 bánh trước bên lái cách mép đường chuẩn là 1,75m; tâm bánh sau bên phụ xe ô tô cách tâm bánh trước xe mô tô BKS: 18B1-358.01 là 2,8m.

- Xe mô tô BKS: 18B1-358.01 bị đổ nghiêng sang bên trái nằm dưới bánh trước bên phụ xe ô tô BKS: 18M-054.10. Đầu xe mô tô quay hướng QL37B, đuôi xe quay hướng thôn M. T2 bánh trước xe mô tô cách mép đường chuẩn là 0,5m, tâm bánh sau xe mô tô cách mép đường chuẩn là 0,7m.

* Khám nghiệm tử thi anh Trương Trung K đã ghi nhận những dấu vết như sau:

- Khám bên ngoài: Hai mắt nhắm, miệng ngậm hờ; hai lỗ mũi, hai lỗ tai bám dính nhiều bùn đất đã khô; vùng trán bên phải có nhiều đám trượt da cơ in ấn tụ máu KT (6x4)cm; phía trên đầu ngoài cung lông mày phải rách dập da cơ KT (2x0,5)cm; gò má phải trợt da, sung nề KT (4x2)cm; vùng cằm phải trợt da KT (3x1)cm; góc hàm trái trợt da KT (5x2)cm; lồng ngực phải xẹp, thấp hơn bên trái, có dấu hiệu lép bẹp dưới da; đường nách sau bên phải tương ứng xương sườn 6,7,8,9 bầm tím KT (5x4)cm; mặt ngoài khuỷu tay phải trợt da, tụ máu KT (6x2)cm; mặt mu bàn tay phải trợt rách da cơ KT (10x8)cm; mặt trước cổ tay trái trợt da KT (1x1)cm; cẳng chân phải biến dạng; mặt trước gối phải xuống cẳng chân phải rách toạc da cơ, đầu xương lòi ra ngoài KT (10x8)cm; mặt trước trong gối trái trợt da KT (7x5)cm; mặt ngoài 1/3 giữa đùi trái trợt da, bầm tím KT (6x3)cm; mặt ngoài cẳng chân trái trợt da tụ máu KT (10x3)cm; mặt sau cẳng chân trái trợt da, bầm tím KT (14x6)cm; mặt sau mu bàn chân trái bầm tím KT (4x1)cm.

- Mổ tử thi: Mở rộng vết thương cẳng chân phải: Dập nát da cơ vùng cẳng chân phải; gãy phức tạp 1/3 dưới cả hai xương cẳng chân phải, dập nát bó mạch vùng cẳng chân phải; vỡ xương bàn ngón 4, 5 bàn tay phải; rạch da cơ vùng lồng ngực phải theo đường nách giữa: Tụ máu dưới da cơ vùng lồng ngực phải, gãy cung bên xương sườn 6, 7, 8, 9 bên phải, khoang lồng ngực phải chứa nhiều nước máu không đông; xương tay trái, chân trái vững, khung chậu vững.

* Bản kết luận giám định tử thi số 751/KLGĐTT-KTHS ngày 31-01-2026 của Phòng K1 Công an tỉnh N đã kết luận: Nguyên nhân chết của Trương Trung K: Đa chấn thương. Cơ chế hình thành dấu vết trên tử thi: Do va đập và chà xát.

* Bản kết luận giám định độc chất số 18/KLGĐĐC-TTPY ngày 09-02-2026 của Trung tâm pháp y tỉnh N đã kết luận: Mẫu máu của Trương Trung K, sinh năm 1971. Không tìm thấy nồng độ cồn (Ethanol) trong máu: C = 0,00mg/100ml.

* Bản kết luận giám định độc chất số 19/KLGĐĐC-TTPY ngày 09-02-2026 của Trung tâm pháp y tỉnh N đã kết luận: Mẫu máu của Phạm Tuấn Đ, sinh năm 1982. Không tìm thấy nồng độ cồn (Ethanol) trong máu: C = 0,00mg/100ml. Không tìm thấy các chất ma túy trong máu.

* Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 15-5-2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố hình sự xã V, tỉnh Ninh Bình đã kết luận Giá trị thiệt hại xe mô tô BKS 18B1-358.01 tại thời điểm ngày 16-01-2026 là 11.5000.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Giá thiệt hại xe ô tô BKS 18H-054.10 tại thời điểm ngày 16-01-2026 là 33.750.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tạm giữ những tài liệu, đồ vật, tài sản như sau: 01 (một) xe môtô BKS 18B1 - 358.01, xe cũ đã qua sử dụng, bị hư hỏng do tai nạn giao thông; 01 (một) xe ô tô chở khách 16 chỗ, BKS 18H- 054.10, xe cũ đã qua sử dụng, bị hư hỏng do tai nạn

giao thông cùng các loại giấy tờ của xe ô tô gồm 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 3500029603, BKS 18H- 054.10, họ tên chủ xe: Công ty TNHH S, do Công an xã H, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 04-11-2025 và 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT xe cơ giới số 270613, BKS 18H- 054.10. Ngày 13/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe ô tô cùng toàn bộ các loại giấy tờ của xe ô tô nêu trên cho anh Phạm Xuân H2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 và ngày 14/03/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho chị Trương Thị Kim X là người đại diện hợp pháp của anh Trương Trung K, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp khác của anh Trương Trung K.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Đ và gia đình đã đến thăm hỏi động viên gia đình bị hại và bị cáo Đ đã gửi tiền phúng viếng và bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Chị Trương Thị Kim X là người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp khác của bị hại đã nhận số tiền bị cáo Đ bồi thường nêu trên và chị X không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường gì thêm cho gia đình bị hại, đồng thời chị X đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đ.

Đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 18H- 054.10: Anh Phạm Xuân H2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 là chủ sở hữu chiếc xe ô tô BKS 18H- 054.10 đã không yêu cầu bị cáo Đ phải bối thường gì đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 18H- 054.10.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, bị cáo Phạm Tuấn Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình cùng những tình tiết sự kiện khác có liên quan đến vụ án đúng như là nội dung đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 45/CT-VKSNBH-KV ngày 01-7-2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Tuấn Đ về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Tuấn Đ đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình cùng những tình tiết sự kiện khác có liên quan đến vụ án đúng như là nội dung đã nêu ở trên và bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, ngoài ra bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ở môi trường ngoài xã hội.

Anh Phạm Xuân H2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 không yêu cầu bị cáo Đ phải bối thường thiệt hại gì cho Công ty TNHH S1 đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 18H- 054.10, đồng thời anh H2 còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Đ và cho bị cáo Đ được cải tạo ở môi trường ngoài xã hội .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình thực hành quyền công tố, sau khi phân tích đánh giá về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo Đ và đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về động cơ mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đ như bản cáo trạng đã ban hành và đã đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh đối với bị cáo: Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Về điều luật và hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Đ từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam

giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Ninh Bình để giám sát, giáo dục. Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đ phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Đ tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan và phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã thu thập hợp pháp được có trong hồ sơ vụ án cũng như là vật chứng của vụ án đã tạm giữ và phù hợp với toàn bộ những lời khai mà bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã khai trong giai đoạn điều tra. Nên, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Đ có giấy phép lái xe hạng D2. Khoảng 12 giờ 08 phút ngày 16-01-2026, bị cáo Đ trong tình trạng cơ thể không có nồng độ cồn và chất kích thích trong máu đã điều khiển xe ô tô khách 16 chỗ, nhãn hiệu FORD, BKS 18H-054.10 đi tại đoạn đường liên thôn hướng từ đường Q đi thôn M, xã V, tỉnh Ninh Bình. Đoạn đường này là khu vực ngã tư giao cắt vuông góc với đoạn đường liên thôn hướng từ thôn T, xã V đi thôn P xã V, tỉnh Ninh Bình. Đoạn đường này ngoài lề phải có cắm biển cảnh báo nguy hiểm "Giao nhau với đường cùng cấp" và ở mặt đường có gờ giảm tốc độ. Cùng lúc này tại đoạn đường liên thôn hướng từ thôn T, xã V đi thôn P, xã V đang có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HODA ALR BLADE, BKS 18B1-358.01 do anh Trương Trung K điều khiển đi đến gần sát ngã tư nhưng bị cáo Đ lại không chú ý quan sát và không giảm tốc độ xe hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn. Do vậy, khi xe ô tô bị cáo điều khiển và xe mô tô anh K điều khiển đi vào trong ngã tư thì phần đầu bên phụ xe ô tô do bị cáo điều khiển đã xô vào phần để chân bên phải của người điều khiển và mặt ngoài khung kim loại bảo vệ yên bên phải xe mô tô do anh K điều khiển. Hậu quả đã làm cho anh K bị thương và bị tử vong trong cùng ngày; xe ô tô BKS 18H-054.10 và xe mô tô BKS 18B1-358.01 đều bị hư hỏng.

Xét hành vi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ nêu trên của bị cáo Đ thì thấy hành vi đó của bị cáo đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024 nên đã vô ý gây ra vụ tai nạn giao thông đường bộ dẫn đến hậu quả làm cho anh K bị tử vong. Cho nên hành vi của bị cáo đã có đủ các căn cứ, các yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi của bị cáo Đ đã xâm phạm đến lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ và gây mất trật tự trị an, an toàn giao thông tại địa phương; ngoài ra còn gây lên sự hoang mang lo sợ cho những người dân khi tham gia giao thông đường bộ. Do vậy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như là mức hình phạt tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và tương xứng với nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Xét trước lần phạm tội này, bị cáo Đ chưa có vi phạm pháp luật gì, lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: Xét bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong giai đoạn điều tra bị cáo Đ đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Đ đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp khác của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và bị hại cũng có lỗi trong vụ tai nạn giao thông. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như là động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Xét thấy bị cáo Đ có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo được nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú thì cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời cũng là để thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải.

Về hình phạt bổ sung và khấu trừ một phần thu nhập: Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại: Xét trong giai đoạn điều tra bị cáo Đ và người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp khác của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại cho bị hại và cho đến nay người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp khác của bị hại cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với Công ty TNHH S1: Xét trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa anh Phạm Xuân H2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 đều không yêu cầu bị cáo Đ phải bối thường thiệt hại gì cho Công ty TNHH S1 đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 18H-054.10. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về vật chứng đã thu giữ: Xét quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã tạm giữ 01 (một) xe môtô BKS 18B1 - 358.01; 01 (một) xe ô tô BKS 18H - 054.10 cùng các loại giấy tờ của xe ô tô. Nhưng trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cùng toàn bộ các loại giấy tờ của xe cho anh Phạm Xuân H2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S1 và trả lại chiếc xe mô tô nêu trên cho chị Trương Thị Kim X

là người đại diện hợp pháp của người bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp khác của người bị hại. Xét việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã trả lại các vật chứng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với bị hại Trương Trung K: Xét khoảng 12 giờ 08 phút ngày 16-01-2026, anh Trương Trung K đã điều khiển xe môtô nhãn hiệu HONDA ALR BLADE, BKS 18B1-358.01 đi trên đoạn đường liên thôn hướng từ thôn T, xã V đi thôn P xã V. Nhưng khi đi đến ngã tư giao cắt vông góc với đoạn đường liên thôn hướng từ đường Q đi thôn M, xã V thì anh K đã không chú ý quan sát, không giảm tốc độ xe hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn và không nhường đường cho xe ô tô của bị cáo Đ đang đi đến từ bên phải nên khi cả 02 phương tiện đi vào trong ngã tư thì xe mô tô do anh K điều khiển đã va chạm với phần đầu bên phụ xe ô tô do bị cáo Đ điều khiển và đã xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ nêu trên. Hậu quả đã làm cho chính anh K bị thương và bị tử vong. Xét hành vi mà anh K điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ nêu trên thì thấy hành vi đó của anh K đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 3 Điều 12 và khoản 2 Điều 22 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; Điều 36; điểm b, điểm s, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn Đ phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được Quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo Phạm Tuấn Đ cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Ninh Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Tuấn Đ có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Tuấn Đ.

Bị cáo Phạm Tuấn Đ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Phạm Tuấn Đ.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Tuấn Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Tuấn Đ và anh Phạm Xuân H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trương Thị Kim X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Người đại diện theo ủy quyền của
  người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QI&NVLQ;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Minh Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án KV8.

Vũ Văn Quân